

Mẫu 9b

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

Kính gửi: Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế

Tên bên mời thầu: Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn.

Địa chỉ: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056.3846571 Fax: 056.3846571

Đề nghị Báo đấu thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu với nội dung sau:

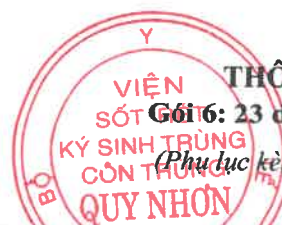
1. Tên dự án: Mua sắm hóa chất xét nghiệm, vật tư tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh bằng nguồn thu dịch vụ kỹ thuật y tế năm 2021 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn.
2. Tên gói thầu: Gói 6: 23 danh mục hoá chất và vật tư dùng cho máy sinh hoá tự động.
3. Số thông báo mời thầu: 202010730362-00.
4. Giá gói thầu: 417.374.100 đồng.
5. Giá trúng thầu: 417.360.000 đồng.
6. Nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
9. Quyết định phê duyệt: Quyết định số: 159/QĐ-VSR ngày 03/8/2021 của Viện trưởng Viện Sốt rét-KST-CT Quy Nhơn.
10. Thông tin về các hàng hóa thuộc gói thầu:
(Phụ lục chi tiết kèm theo).

Bình Định, ngày 10 tháng 8 năm 2021 

VIỆN TRƯỞNG



Hồ Văn Hoàng



THÔNG TIN VỀ CÁC HÀNG HÓA THUỘC GÓI THẦU

Gói 6: 23 danh mục hoá chất và vật tư dùng cho máy sinh hoá tự động

(Phụ lục kèm theo mẫu 9b Phiếu đăng ký thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu)

DVT: Đồng

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Model- giấy phép lưu hành sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá trúng thầu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	8	9.689.400	
2	Đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST; Dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	8	9.441.600	
3	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0-171 μ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	1	7.135.800	
4	Định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 μ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter,	1	11.414.550	
5	Định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L);	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	4	11.899.650	
6	Định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 μ mol/L ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	4	3.949.050	
7	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L	hộp	Số 7856 NK/BYT-TB-CT Ngày 22/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	2	6.142.500	
8	Định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose; Dải đo: 0,6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq 2,0$ mmol/L, Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L, G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	2	10.599.750	
9	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	hộp	Số 7856 NK/BYT-TB-CT Ngày 22/01/2018	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản	1	20.528.550	
10	Định lượng Triglycerid	Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L);	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho	3	10.657.500	
11	Định lượng Ure	Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ; Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	5	9.033.150	
12	Định lượng Acid Uric	Thành phần: MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5.9 kU/L (98 μ kat/L); Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 μ kat/L); Ascorbate Oxidase ≥ 1.56 kU/L (26 μ kat/L)	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	2	8.309.700	
13	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Thành phần bao gồm: Baypur CX 100, Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	binh	Số 170000291/PCBA-HN Ngày 05/7/2017	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	2	4.302.100	



STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Model- giấy phép lưu hành sản phẩm	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá trúng thầu	Ghi chú
14	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. Đóng gói: 1 lọ 5ml/hộp	hộp	Số 7856 NK/BYT-TB-CT Ngày 22/01/2018	BIO-RAD Laboratories, Diagnostics GRP, Mỹ	3	526.050	
15	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người)	hộp	Số 7856 NK/BYT-TB-CT Ngày 22/01/2018	SERO AS, Na Uy	1	751.800	
16	Định lượng Albumin	Dải đo: 15-60 g/L; phương pháp: Bromocresol Green (BCG), bước sóng 600/800 nM Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0,2 mmol/L;	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	1	2.530.500	
17	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	Dải đo: 5-1500 U/L; phương pháp: dựa trên khuyến nghị của "Hiệp hội Hóa học Lâm sàng Quốc tế" (IFCC), Bước sóng: 410/480 nM. Thành phần: 2-Amino-2-Methyl-1-Propanol (AMP) pH 10,4; 0,35 mol/L; p-Nitrophenyl phosphat 16 mmol/L, HEDTA 2 mmol/L; Kẽm sulfat 1 mmol/L; Magnesi acetat 2 mmol/L;	hộp	Số 7800 NK/BYT-TB-CT Ngày 13/01/2018	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	1	6.157.200	
18	Bóng đèn halogen	Photometer lamp Đóng gói: 1 cái/hộp	cái	MU 98880/GMED số 34629-0	Beckman Coulter/ Nhật Bản	1	3.902.800	
19	Dây bơm	Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm Đóng gói: 2 cái/túi	túi	MU 962300/GMED số 34629-0	Beckman Coulter/ Trung Quốc	1	2.576.200	
20	Hạt nhựa Mixbed lọ hệ thống RO	Chất liệu: nhựa Cảm quan: màu vàng đến nâu. Kích thước: 0.3 - 1.2	túi	MN-VAT00293	Ion Exchange / Ấn Độ	1	5.574.800	
21	21Lỗi lọc nước 1micron	Chất liệu: PP Đóng gói: 1 cái/hộp	cái	PS10_1	RotekVN/ Đài Loan	5	49.500	
22	Lỗi lọc nước 5 micron	Chất liệu: PP Đóng gói: 1 cái/hộp	cái	PS10_5	RotekVN/ Đài Loan	2	49.500	
23	Lỗi lọc RO 300	Quả lọc (1 bộ gồm 02 quả) Quả lọc thứ 1 bộ gồm B10703 quả PP20", UDF20", CTO20") 01 bộ màng lọc RO (gồm 03 quả)	cái	MN-VAT00543	Fluxtek/ Đài Loan	1	2.574.000	